

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**- 1 -
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2024
V/v ly hôn giữa
Bà P và ông T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng
- Ông Nguyễn Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 546/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Tân Khánh, xã Tân Lược, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh T, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/8/2023, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Bà P và ông Võ Thanh T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006 và đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2009 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Long An. Bà và ông T chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên tình trạng hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Bà và ông T đã sống ly thân với nhau nhưng vẫn không bên nào có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Nay bà P xét thấy tình cảm không còn và vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Thanh T.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Võ Trần Thị Ngọc T1, sinh ngày 04/06/2007 và Võ Trần Minh D, sinh ngày 07/10/2010. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và cháu D, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về chia tài sản chung: không có.

- Về nợ: không có.

Do bận công việc nên bà Trần Thị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật đối với ông Võ Thanh T, thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Võ Thanh T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh T. Ông T có nơi đăng ký thường trú tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn ông Võ Thanh T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt, bà Trần Thị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Võ Thanh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà P nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống nên tình trạng hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã ly thân nhưng không bên nào có thiện chí hàn gắn tình cảm nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông T.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà P để vợ chồng đoàn tụ, bà P cương quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng đã ly thân, bà P không còn tình cảm với ông T và không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà P yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị P.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do bà P cung cấp, bà P và ông T có 02 con chung là Võ Trần Thị Ngọc T1, sinh ngày 04/06/2007 và Võ Trần Minh D, sinh ngày 07/10/2010. Bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1 và D. Xét thấy, bà P là người đang trực tiếp nuôi các con chung và đã có cuộc sống ổn định, cháu T1 và cháu D có nguyện vọng được sống với mẹ nên phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định cho bà P được tiếp tục nuôi cháu T1 và cháu D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông T không có văn bản trình bày vấn đề này, bà P xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Do ông T không có văn bản trình bày vấn đề này, bà P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Do ông T không có văn bản trình bày vấn đề này, bà P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: bà Trần Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2.6] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: bà Trần Thị P tự nguyện chịu 3.603.782 đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự (đã nộp xong).

[2.7] Về quyền kháng cáo: bà Trần Thị P và ông Võ Thanh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P về việc “Ly hôn” với ông Võ Thanh T.

1. Về hôn nhân: bà Trần Thị P được ly hôn với ông Võ Thanh T.

2. Về nuôi con chung: bà Trần Thị P được tiếp tục nuôi cháu Võ Trần Thị Ngọc T1, sinh ngày 04/06/2007 và Võ Trần Minh D, sinh ngày 07/10/2010. Ông Võ Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006167 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

4. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: bà Trần Thị P tự nguyện chịu 3.603.782 đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- CCTHADS huyện Cần Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung